

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 313/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Lệ

2/ Bà Huỳnh Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2024/ TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm xxxx, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số 2935 ngày 14 tháng 5 năm 2024), có mặt;

2. Bị đơn: Bà Trần Mộng L, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2024 và quá trình xét xử, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Văn X trình bày: Ngày 24/7/2022 bà T có cho bà L vay 200.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, lãi suất 3%/tháng, bà L có ký Giấy mượn tiền ngày 24/7/2022. Bà L có thể chấp cho bà T giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00005 ngày 13/11/2015 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L không trả. Bà T yêu cầu bà L trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu lãi. Thực hiện trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Khi bà L trả hết số tiền cho bà T thì bà T trả lại bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Bà T không yêu cầu đối với ông Nguyễn Thanh Q.

* Quá trình xét xử bị đơn bà Trần Mộng L trình bày: Ngày 24/7/2022 bà L có thể chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà L để mượn số tiền 200.000.000 đồng, không có lãi, có Giấy mượn tiền đến nay chưa trả. Bà L thống nhất trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà T. Do hoàn cảnh khó khăn, bà L xin bà T cho trả tiền hàng tháng 500.000 đồng đến khi hết số tiền nợ thì bà T trả lại bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

* Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh Q vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Thanh Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q.

Quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu bà L trả số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/7/2022. Bà L thống nhất yêu cầu của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân

sự, Hội đồng xét xử ghi nhận bà L có nghĩa vụ trả bà T số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 24/7/2022.

Thời gian thực hiện: Tại phiên tòa bà T và bà L thống nhất thời gian trả tiền lần 1 là sau khi án có hiệu lực pháp luật 02 tháng bà L phải trả 100.000.000 đồng; lần 2 là sau khi án có hiệu lực pháp luật 03 tháng bà L phải trả 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên ghi nhận.

Về lãi: Bà T và bà L không yêu cầu lãi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Khi vay tiền bà L có giao cho bà T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00005 ngày 13/11/2015 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q. Tòa án có đưa ông Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ vụ liên quan. Ông Q không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Ông Q không có yêu cầu gì. Bà T cũng không yêu cầu đối với ông Q. Bà T và bà L thống nhất yêu cầu khi bà L trả hết số tiền cho bà T thì bà T phải giao trả bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Xét gia đình bà L hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của địa phương, bà L có đơn xin giảm tiền án phí. Hội đồng xét xử giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Trần Mộng L có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị T số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng. Thực hiện trả tiền lần 1: Sau khi án có hiệu lực pháp luật 02 tháng trả 100.000.000 đồng. Lần 2: Sau khi án có hiệu lực pháp luật 03 tháng trả 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Mộng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi bà Trần Mộng L trả hết số tiền cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao trả bà Trần Mộng L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00005 ngày 13/11/2015 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh Q.

Án phí sơ thẩm: Giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Mộng L. Bà L phải nộp 50% án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 6.742.000 đồng theo biên lai thu số 0013422 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

